

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ- ST
Ngày 27- 02- 2023
V/v Ly hôn giữa chị H1 và anh
M1.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến;
2. Bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị H1, sinh năm 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm xxx, thôn Đ1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Khu xxx, xã V1, huyện C1, tỉnh Phú Thọ; Vắng mặt- đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh M1, sinh năm 1990; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, nơi cư trú: Xóm xxx, thôn Đ1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt- đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21- 10- 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị H1 trình bày: Chị và anh M1 tự nguyện đăng ký kết hôn; đã được Ủy ban nhân dân xã T1 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 08 tháng 06 năm 2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình chồng. Ngày 15 tháng 05 năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhưng vợ chồng vẫn chung sống với nhau. Đến tháng 05 năm 2022 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị để con lại cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng; còn chị chuyển đến tỉnh Phú Thọ làm ăn và sinh sống. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau,

không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Chị xác định: Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có nguyện vọng xin ly hôn. Hiện nay, chị không mang thai. Vợ chồng có 01 con chung là A1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018- đang sống cùng anh M1. Do chị chưa có việc làm ổn định, phải ở nhờ nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con; vì vậy chị đề nghị: Anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có ai nợ chung vợ chồng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 02 năm 2023, bị đơn là anh M1 trình bày giống nguyên đơn về việc kết hôn, về việc sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình chồng, về con chung, về việc vợ chồng không có tài sản chung, về việc khi mâu thuẫn thì vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa.. Anh xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp. Khi mâu thuẫn, chị H1 tự ý bỏ đi; anh đã đi tìm và chị đã trở về chung sống; nhưng sau đó, vợ chồng lại mâu thuẫn nên tháng 4 năm 2022, chị H1 lại bỏ đi. Từ đó, vợ chồng không sống chung với nhau; anh xác định tình cảm không còn nên anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng có một con chung là A1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018- đang sống cùng anh. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh M1 nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Khi Tòa án tiến hành phiên họp và hòa giải, anh M1 vẫn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Kiểm sát viên đề nghị: Xử cho chị H1 ly hôn anh M1. Về con chung: Vợ chồng chị H1, anh M1 có một con chung là A1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018. Đề nghị giao con chung A1 cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng; chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị H1 phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Mặc dù được triệu tập họp lệ, đã được giao các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không đến Tòa làm việc. Do bị đơn vắng mặt nên vụ

án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự được, phải đưa ra xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị H1 và anh M1 là tự nguyện và hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp hòa giải nên vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị H1, anh M1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho chị H1 ly hôn anh M1.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị H1- anh M1 có một con chung là A1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018. Anh M1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung; chị H1 cũng đề nghị giao con chung cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh M1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000, đồng án phí ly hôn sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H1 ly hôn anh M1.

2. Về con chung: -Vợ chồng chị H1- anh M1 có một con chung là A1, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2018.

-Xử giao con chung A1 cho anh M1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M1 không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

-Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị H1 phải nộp toàn bộ 300.000, đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000, đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004276 ngày

21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Chị Hương đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Thái Thọ,
huyện Thái Thụy, tỉnh Thái
Bình;
- VKDND huyện Thái Thụy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tòng